	Khoa Kinh tế và Quản lý	36	1	10	25	4	
	Khoa Tài chính và Kế toán	19		7	12	4	
	Khoa Các khoa học ứng dụng	14		4	10	2	
	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	19		3	16	2	
	Khoa Ngôn ngữ ứng dụng	20		16	4		
	Khoa Quốc tế Pháp ngữ	13		8	5		
2	**Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động**						
	Khoa Kinh tế và Quản lý	36	1	10	25	4	
	Khoa Tài chính và Kế toán	19		7	12	4	
	Khoa Các khoa học ứng dụng	14		4	10	2	
	Khoa Kỹ thuật và Công nghệ	19		3	16	2	
	Khoa Ngôn ngữ ứng dụng	20		16	4		
	Khoa Quốc tế Pháp ngữ	13		8	5		

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

Bảng 3: Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	11	11
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	114	134
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	114/121	134/115

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

Bảng 4: Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m2)	6,79m2/người học (51.309/7.560)	7,2m2/người học (46.304/6.416)
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,58m2/người học (27.033/7.560)	4,59m2/người học (29.438/6.416)
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	72%	70%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	220 đầu sách/ngành đào tạo	200 đầu sách/ngành đào tạo
5	Số bản sách/người học	4 bản sách/người học	3.5 bản sách/người học
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	30%	28%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	225Mbps/1.000hv	483Mbps/1.000hv

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

Bảng 5: Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
I	**Diện tích đất phục vụ đào tạo**			
1	Trụ sở chính	144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội (ĐHQGHN phân)	1,118	1,118
		Sân tập thể dục thể thao ĐHNN	6,400	
		Nhà tập đa năng ĐHNN	3,200	3,200
		Trường Quốc tế (tầng 1, tầng 2 Nhà E5)	512	1,205
		Trường Quốc tế (Nhà G7)	193	1,160
2	Cơ sở 1	Số 1 Phan Tây Nhạc, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4,000	4,000
3	Cơ sở 2	Tòa nhà HT1, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc	3,086	8,770
		Khoa Quốc tế Pháp Ngữ (Hòa Lạc)	0	0
		Khu học An ninh quốc phòng ở Hòa Lạc	20,000	
		Thư viện dùng chung tại các cơ sở của ĐHQGHN	7,500	7,500
Tổng cộng			**46.009**	**26.953**

3. Các hạng mục Cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

Bảng 6: Các hạng mục Cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm (đang xin phê duyệt thiết kế để khởi công)

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm[11]	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới các tòa nhà của Trường Quốc tế trên khu diện tích 9,2ha. Gói thầu Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Trường Quốc tế - ĐHQGHN tại Hòa Lạc (giai đoạn 1) vừa được mở thầu ngày 21/05/2026.	Hòa Lạc	260.000
2	Nâng cấp tòa nhà...		
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
	Tổng cộng		**260.000**

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Viện đổi mới sáng tạo UPM
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Bộ tiêu chuẩn xếp hạng đối sánh UPM
- Mức độ đạt kiểm định: 5 sao
- Thời gian hiệu lực: từ 16/4/2024 đến 16/04/2027.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

Bảng 7: Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, ĐH QG HCM	7/10/2019-7/10/2024
2	7340303	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, ĐH QG HCM	1/10/2022-30/9/2027
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	Kinh doanh quốc tế	AUN-QA	30/9/2023-29/9/2028
4	7340303	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Kế toán, phân tích và kiểm toán	AUN-QA	30/9/2023-29/9/2028